Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 18.01.2021 17:08:21 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144 /KH-UBND	*Tây Ninh, ngày 18 tháng 01 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Công văn số 4476/BKHĐT-HTX ngày 14/7/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Tây Ninh xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 như sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ (KTTT, HTX) GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Tình hình chung

1.1.Về tổ hợp tác (THT)

Tính đến 31/12/2020, toàn tỉnh ước tính có 112 THT hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác, tăng 7 tổ so với 31/12/2016. Hoạt động chính của các THT gồm: chăn nuôi gia súc, gia cầm; sản xuất rau, củ, quả, thủy nông và các hoạt động dịch vụ nông nghiệp kèm theo; mây tre đan lát, làm chổi, may gia công, sản xuất bánh tráng... và tổ vay vốn. Tổng số THT hoạt động hiệu quả là 75 tổ; 20 THT phát triển thành hợp tác xã.

Số thành viên THT ước đến thời điểm 31/12/2020 là 2.250 thành viên, tăng 250 thành viên so với thời điểm 31/12/2016; thành viên THT chính là lao động thường xuyên trong các THT.

Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của THT ước đến thời điểm năm 2020 là 5.600 triệu đồng, tăng 1.000 triệu đồng so với thời điểm 30/12/2016. Doanh thu bình quân của THT ước đến thời điểm năm 2020 là 380 triệu đồng/năm, tăng 80 triệu đồng/năm so với thời điểm 30/12/2016. Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của THT ước đến thời điểm năm 2020 là 47 triệu đồng/năm, tăng 10 triệu đồng/năm so với thời điểm 30/12/2016.

1.2. Về hợp tác xã (HTX)

Số lượng HTX ước đến ngày 31/12/2020 là 140 HTX, tăng 49 HTX so với thời điểm 31/12/2016, trong đó có số lượng HTX thành lập mới giai đoạn 2016-2020 là 80 HTX; số lượng HTX đang hoạt động là 126 HTX, ngưng hoạt động là 14 HTX; số lượng HTX đã chuyển đổi, giải thể là 35 HTX;

không có HTX thành lập doanh nghiệp. Số HTX hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012[1] hiện là 98 HTX.

Số thành viên HTX ước đến 31/12/2020 là 39.125 thành viên, giảm 3.245 thành viên so với thời điểm 31/12/2016; số lượng thành viên mới tham gia vào HTX giai đoạn 2016 – 2020 là 16.268 thành viên (trung bình năm phát triển 3.254 thành viên mới); số lao động làm việc trong khu vực HTX ước đến 31/12/2020 là 7.650 lao động, tăng 2.938 lao động so với thời điểm 31/12/2016; số lao động mới giai đoạn 2016-2020 là 8.197 lao động (trung bình năm có 1.639 lao động mới).

Doanh thu bình quân của HTX năm 2020 ước đạt 16.000 triệu đồng/năm, tăng 2.000 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2016; Lãi bình quân của 1 HTX ước năm 2020 là 505 triệu đồng/năm, tăng hơn 105 triệu đồng so với 31/12/2016; Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX năm 2020 ước là 75 triệu đồng/người/ năm, tăng 23 triệu đồng/người/năm so với thời điểm 31/12/2016.

Tổng số nợ đọng của HTX tính đến thời điểm 31/12/2020 là 1.100 triệu đồng (nợ phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/1997 đến 31/12/2020), tổng số nợ đọng của thành viên với HTX 0 đồng.

Số lượng cán bộ quản lý HTX là 626 người, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ, trung cấp là 315 người; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên; số cán bộ có trình độ sau đại học là 200 người; số cán bộ HTX được hỗ trợ bảo hiểm xã hội là 315 người; tỷ lệ cán bộ đã qua đào tạo nghề so với tổng số lao động.

Triển khai thực hiện Đề án xây dựng hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi giá trị phát triển sản xuất bền vững của Liên minh HTX Việt Nam, UBND tỉnh chỉ đạo Liên minh HTX chọn 05 HTX lĩnh vực nông nghiệp để xây dựng mô hình điểm về liên kết chuỗi giá trị, đã từng bước thực hiện từ khâu tư vấn trực tiếp, tập huấn chuyên sâu cho Hội đồng quản trị và tập huấn mở rộng cho các thành viên HTX về kiến thức liên quan đến hợp tác xã kiểu mới, phương pháp xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và tham gia xây dựng chuỗi giá trị. Ngoài ra, tỉnh còn chỉ đạo Liên minh Hợp tác xã phối hợp với các Trung tâm tư vấn, cơ sở đào tạo cán bộ HTX xây dựng 10 mô hình HTX kiểu mới trên địa bàn tỉnh, ưu tiên tại các xã xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với kinh phí gần 1,6 tỷ đồng. Các HTX được hỗ trợ tư vấn xây dựng điểm bước đầu được củng cố về tổ chức quản lý, năng lực hoạt động, trách nhiệm giữa thành viên HTX, ngày càng nhiều HTX từng bước khắc phục được tình trạng trì trệ, yếu kém, nỗ lực vươn lên, phát triển với quy mô lớn hơn, chất lượng hoạt động ổn định và có tính bền vững hơn; thành viên tham gia tự nguyện không chỉ ở các cá nhân, kinh tế hộ gia đình mà còn ở các trang trại, cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, góp phần tạo ra lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ không nhỏ đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

---

[1]Hoạt động kinh doanh có lãi, thực hiện các nghĩa vụ của một tổ chức kinh tế đối với Nhà nước, thành viên, người lao động theo quy định hiện hành; đem lại lợi ích tối đa cho thành viên như tăng thu nhập, tạo việc làm, cung cấp các hoạt động phúc lợi cho thành viên…

2. Tình hình phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực

Trong 5 năm qua, khu vực KTTT đã có những chuyển biến tích cực, HTX tăng cả về số lượng lẫn chất lượng, quy mô đầu tư ngày càng được mở rộng, lĩnh vực hoạt động ngày càng phong phú, đa dạng. Nhiều HTX đã tiếp tục đổi mới, chủ động áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, mở rộng dịch vụ, tăng cường chất lượng phục vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của HTX đối với các loại hình doanh nghiệp khác. Cụ thể kết quả đạt được trong từng lĩnh vực như sau:

2.1 Hợp tác xã

a) Lĩnh vực nông - lâm- ngư nghiệp (gọi chung HTX nông nghiệp)

Ước đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 90 HTX nông nghiệp, tăng 33 HTX so với 31/12/2016, trong đó HTX dịch vụ thủy lợi là 8 HTX, thủy sản là 3 HTX, sản xuất rau an toàn là 6 HTX, dịch vụ nông nghiệp là 73 HTX. Số lượng thành viên là 2.540 thành viên, tăng 1.315 thành viên so với thời điểm 31/12/2016.

Tổng nguồn vốn hiện nay khoảng 365,2 tỷ đồng. Tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ năm 2020 ước đạt 100 tỷ đồng (trung bình là 1 tỷ/ HTX/năm) tăng 40 tỷ đồng 31/12/2016; Tổng lợi nhuận ước đạt 350 triệu/HTX/năm. Giải quyết việc làm thường xuyên cho 980 lao động, tăng 450 lao động so với thời điểm 31/12/2016. Thu nhập lao động trung bình 5 -6 triệu đồng/tháng/người.

5 năm qua, các HTX thuộc lĩnh vực nông nghiệp đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài; đã xuất hiện thêm nhiều loại hình, mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Đây là nhân tố góp phần đề cao tinh thần tương thân, tương ái vì cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Một số mô hình HTX nông nghiệp điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp được xây dựng và nhân rộng như: HTX Măng Cầu Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh; HTX rau an toàn Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, Hòa Thành; HTX DV TM Nông nghiệp Phước Ninh, Dương Minh Châu; HTX Lộc Khê, Gia Lộc, Trảng Bàng; HTX Chăn nuôi Hiệp Phát, Lộc Hưng, Trảng Bàng; HTX giống cây trồng và DVNN Bàu Đồn; HTX Tân Tiến, Suối Ngô, Tân Châu.

b) Lĩnh vực Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN)

Tính đến 31/12/2020, toàn tỉnh ước có 6 HTX CN-TTCN, tăng 01 HTX so với thời điểm 31/12/2016. Số lượng thành viên: 160 thành viên, giảm 40 thành viên so với thời điểm 31/12/2016.

Quy mô sản xuất kinh doanh của các HTX CN-TTCN có sự khác nhau tùy theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể nhưng chủ yếu thuộc mức nhỏ và vừa. Hoạt động chủ yếu của các HTX này là kinh doanh sản xuất các sản phẩm làm từ tre, tầm vông; gia công sản phẩm may mặc, sản xuất gỗ lạng ván ép.

c) Lĩnh vực tín dụng

Toàn tỉnh hiện có 18 Quỹ TDND (không có phát triển mới so với năm 2016), có 26.200 thành viên, giảm 2.090 thành viên so với thời điểm 31/12/2016. Tổng nguồn vốn hoạt động hiện nay của các Quỹ TDND là 2.638,52 tỷ đồng, tăng 1.700 tỷ đồng so 31/12/2016, trong đó vốn điều lệ là 103,52 tỷ đồng, vốn huy động 2.348,85 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay hiện nay đạt 2.339,43 tỷ đồng. Nợ xấu là 5,27 tỷ đồng chiếm 0,23% tổng dư nợ cho vay.

Các Quỹ TDND có tổ chức bộ máy, công tác điều hành, quản lý chặt chẽ, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phương thức hoạt động của Quỹ linh hoạt, kịp thời, hoạt động cho vay đúng mục đích nên phát huy được hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu dưới mức quy định. Các chỉ tiêu cơ bản như nguồn vốn huy động, dư nợ, kết quả kinh doanh đều đảm bảo, lãi không ngừng được tăng.

d) Lĩnh vực Thương mại

Tính đến 31/12/2020, toàn tỉnh ước có 11 HTX thương mại, tăng 9 HTX so với thời điểm 31/12/2016 với 110 thành viên, tăng 90 thành viên so với thời điểm 31/12/2016.

Hoạt động chính của các HTX thương mại là quản lý và kinh doanh khai thác chợ. Năm 2018, mô hình HTX chợ trên địa bàn tỉnh mới bắt đầu hình thành, tuy nhiên, các hoạt động của các HTX chợ cũng chỉ dừng lại ở việc cho thuê kiot, cung ứng dịch vụ cho tiểu thương mua bán, kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản và mặt hàng thiết yếu khác. Đến nay, các HTX này vẫn hoạt động ở mức độ trung bình.

đ) Lĩnh vực vận tải

Tính đến 31/12/2020 toàn tỉnh có 13 HTX vận tải, tăng 03 HTX so với thời điểm 31/12/2016 với 10.070 thành viên, tăng 7.000 thành viên so với thời điểm 31/12/2016.

Các HTX vận tải đã đóng góp một phần đáng kể vào việc đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách của địa phương, đóng góp không nhỏ trong công tác quản lý nhà nước đối với phương tiện vận tải của các thành viên. Hoạt động của các HTX đã tạo ra được thu nhập và việc làm ổn định và gia tăng tích lũy cho các thành viên,... Tuy nhiên, các HTX vận tải trên địa bàn tỉnh hiện nay đang hoạt động chủ yếu theo mô hình dịch vụ hỗ trợ, chưa tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh vận tải theo hướng tập trung.

e) Lĩnh vực khác (lĩnh vực vệ sinh môi trường)

Tính đến 31/12/2020 toàn tỉnh ước có 2 HTX môi trường, không tăng so với thời điểm 31/12/2016. Tổng số thành viên là 45 thành viên.

Các HTX vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh chỉ hoạt động nhỏ và ở mức trung bình; chủ yếu là quét dọn, thu gom rác thải, rút hầm cầu và khai thông cống rãnh.

2.2 Tổ hợp tác

a) Lĩnh vực nông - lâm- ngư nghiệp: Ước đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 100 THT nông- lâm- ngư nghiệp với 1.800 thành viên. Hoạt động chính

của các THT là chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất rau, củ, quả, thủy nông và các hoạt động dịch vụ nông nghiệp kèm theo.

b) Lĩnh vực phi nông nghiệp: Ước đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 12 THT hoạt động trên lĩnh vực phi nông nghiệp với 450 thành viên. Hoạt động chính của các THT là mây tre đan lát, làm chổi, may gia công, sản xuất bánh tráng... Thu nhập trung bình của hộ thành viên THT là 47 triệu đồng/năm, ước lợi nhuận bình quân của 01 THT là 50 triệu đồng/01 THT/năm.

Xuất phát từ nhu cầu của kinh tế hộ và điều kiện phát triển kinh tế ở địa phương, nhiều THT được thành lập với nhiều hình thức, tên gọi khác nhau trên các ngành, lĩnh vực từ các Chương trình, dự án của các ngành chuyên môn, của địa phương và các đoàn thể. Các THT được thành lập giúp kinh tế hộ khắc phục khó khăn, hạn chế, yếu kém về vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, giúp các hộ thành viên sử dụng có hiệu quả hơn về nguồn tài nguyên như: đất đai, nước, nguồn nguyên liệu tại chỗ, lao động, vật tư, tiền vốn, tiếp nhận những thông tin áp dụng vào sản xuất…

Bên cạnh mặt tích cực thì khó khăn và hạn chế của THT hiện nay là tính hợp tác của thành viên trong phát triển kinh tế chưa cao, chưa có kế hoạch sản xuất cụ thể, chưa thực hiện sản xuất theo kế hoạch của tổ, vẫn còn tình trạng thành viên sản xuất nhỏ lẻ, manh mún và tự phát theo chủ quan của hộ thành viên; Tư cách pháp lý THT không rõ ràng, chỉ có hợp đồng hợp tác, đôi khi các điều khoản trong hợp đồng chưa được nghiên cứu đầu tư xây dựng trên cơ sở thực tế cũng như các quy định của pháp luật nên gặp nhiều khó khăn trong quan hệ giao dịch kinh tế, công tác giải quyết vướng mắc phát sinh trong nội bộ tổ.

II. KHUNG KHỔ PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU VỰC KTTT, HTX

1. Khung khổ pháp lý (theo phụ lục 7 đính kèm)

2. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX

Trên cơ sở chính sách hỗ trợ phát triển HTX được quy định tại Điều 6 Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã 2012, Quyết định 2261/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 và một số chính sách hỗ trợ chung có liên quan đến KTTT như hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp được Bộ, ngành hướng dẫn và tỉnh cụ thể hóa, Tỉnh đã triển khai thực hiện như sau:

2.1 Chính sách hỗ trợ chung đối với các HTX

a) Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Hàng năm, tỉnh đều bố trí kinh phí cho công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và bồi dưỡng kiến thức về KTTT cho cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ trong HTX. Giai đoạn 2016 – 2020, UBND tỉnh đã bố trí tổng kinh phí là 2,23 tỷ đồng cho công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho 12.350 lượt cán bộ quản lý nhà nước, đoàn thể, hợp tác xã và tổ hợp tác, đồng thời hỗ trợ 100% học phí cho 164 lượt thành viên làm chuyên môn nghiệp vụ

được các HTX, QTDND cử tham gia học nâng cao trình độ tại các trường Cao đẳng, Đại học với tổng kinh phí là 1,18 tỷ đồng.

b) Về chính sách đất đai

Ban hành các quyết định cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thuê đất để thực hiện 04 dự án đầu tư (xây dựng chợ, siêu thị) với tổng diện tích 2,40 ha. Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trong việc hỗ trợ HTX đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, giới thiệu địa điểm và tạo mọi điều kiện để các THT, HTX tiếp cận được quỹ đất công của tỉnh để đầu tư sản xuất kinh doanh.

c) Về chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Giai đoạn 2016-2020, hỗ trợ 35 dự án thuộc 32 hợp tác xã, THT vay với số tiền trên 20,14 tỷ đồng từ nguồn vốn Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã của tỉnh. Đồng thời, có 07 dự án được hỗ trợ vay vốn với số tiền 970.000.000 đồng từ nguồn vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

d) Về chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ

Giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh có 02 HTX được hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị và xây dựng mô hình hợp tác xã liên kết chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực ở địa phương do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hỗ trợ. Thông qua chương trình, các HTX được Liên minh HTX Việt Nam hỗ trợ máy móc thiết bị phục vụ sản xuất: máy cày, máy phun thuốc…

Trong các năm qua, công tác chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã hỗ trợ thiết thực cho các HTX, THT lĩnh vực nông nghiệp xây dựng, tổ chức phát triển sản xuất và góp phần vào chuỗi giá trị nâng cao năng suất, sản lượng, giá thành nông sản. Cụ thể, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh triển khai thực hiện đề tài *"Đánh giá thực trạng, nghiên cứu định hướng và xây dựng giải pháp phát triển các loại hình hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2010-2015"* kết quả đã chỉ ra được những mặt mạnh, yếu, cơ hội và trở ngại của xã viên, hợp tác xã trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, giúp các nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo các Sở, ban, ngành, xã viên, HTX nhận diện đầy đủ về HTX và cho phép đưa ra các giải pháp sát thực tế và có khả năng thực thi, góp phần nâng cao thu nhập cho xã viên, HTX đạt mức cao hơn so với mức bình quân chung của người sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Mô hình "*Ủ phân hữu cơ sinh học*" được chuyển giao cho HTX dịch vụ nông nghiệp Hùng Hậu, ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành; ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tạo ra phân hữu cơ sinh học có chứa các nguyên tố sẽ hạn chế một số nấm bệnh gây hại trên cây trồng, tăng năng suất cây trồng và giảm lượng phân khoáng cần bón...

+ Quy trình thu hoạch, xử lý, bảo quản quả mãng cầu ta và sổ tay hướng dẫn chuyển giao đến các THT, HTX, hộ sản xuất, kinh doanh mãng cầu trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tổ chức tập huấn về các biện pháp xử lý và tồn trữ mãng cầu ta cho HTX, THT, thương lái và hộ trồng mãng cầu trên địa bàn tỉnh.

đ) Về chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đã có 75 lượt HTX được hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường với tổng số tiền 650 triệu đồng. Các hợp tác xã được hỗ trợ khảo sát mở rộng thị trường, tham gia hội chợ giới thiệu sản phẩm: hội chợ - triển lãm giống và nông nghiệp công nghệ cao năm 2018 tại thành phố Hồ Chí Minh, lễ hội lúa gạo và triển lãm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng đồng bằng sông Cửu Long lần thứ 1 tại tỉnh Long An, hội chợ quốc tế về công nghệ thực phẩm FoodExpo, triển lãm ngành rau – hoa - quả HORTEX Việt Nam, hội chợ xúc tiến thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh, hội chợ xúc tiến thương mại hàng nông sản HTX, LHHTX tại Hà Nội,…

Ngoài ra, các THT, HTX được hỗ trợ xây dựng thương hiệu "Mãng cầu Bà Đen", "Muối ớt Tây Ninh", "Bánh tráng Trảng Bàng"… ; hướng dẫn và đăng ký danh sách các HTX, THT trên địa bàn tỉnh tham gia chương trình bảo hộ thương hiệu và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp và ngành nghề nông thôn của tỉnh.

e) Về chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho 02 HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 gồm: HTX mãng cầu Thạnh Tân với kinh phí hỗ trợ là 10.550 triệu đồng (Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh) và HTX dịch vụ nông nghiệp Phước Ninh với kinh phí hỗ trợ là 2.150 triệu đồng (Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh).

g) Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh:

Hỗ trợ 01 HTX (HTX Trà Vong, Tân Biên) với số tiền là 294,710 triệu đồng theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

h) Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm đối với HTX nông nghiệp:

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm làm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Tuy nhiên, thời gian qua chưa có HTX vay vốn theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

i) Về chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Triển khai có hiệu quả Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trong đó tiêu chí số 13 là phải có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả

và có liên kết gắn với chuỗi giá trị sản phẩm. Nhờ đó, các hợp tác xã được tạo kiều kiện thành lập, tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

k) Về chính sách thành lập mới hợp tác xã

Giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã hỗ trợ 80 HTX. Nội dung hỗ trợ chủ yếu tập huấn, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và các quy định của Nhà nước về phát triển KTTT. Đồng thời, tỉnh đã phân bổ 1,7 tỷ đồng giao Liên minh HTX tỉnh phối hợp với các Sở, ngành và Trung tâm tư vấn Kinh tế hợp tác thuộc Trường Quản lý cán bộ Nông nghiệp và PTNT II và Trường đào tạo cán bộ HTX miền Nam thuộc Liên minh HTX Việt Nam tư vấn xây dựng 10 mô hình hợp tác xã kiểu mới giai đoạn 2016 – 2020 để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

2.2 Chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác

- *Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm:* giao Sở Nông nghiệp và PTNT làm cầu nối giữa các HTX nông nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn liên kết, trao đổi, giao thương hỗ trợ THT, HTX tiêu thụ sản phẩm, cụ thể: HTX DV NN Minh Thành ký hợp đồng bao tiêu 135 ha lúa với Công ty Huỳnh Phương, HTX giống cây trồng và DVNN Bàu Đồn ký hợp đồng tiêu thụ nông sản với Tập đoàn Lộc Trời (45 ha lúa) và Công ty giống cây trồng Trung ương (40 ha bắp), HTX nông nghiệp khác liên kết với các Công ty để thực hiện các dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, tiêu thụ nông sản, cơ giới hóa và vận chuyển nông sản, HTX DV thủy lợi liên kết với các xí nghiệp thủy lợi tại địa phương để quản lý, sử dụng có hiệu quả các tuyến kênh tưới tiêu, HTX chăn nuôi liên kết với các Công ty để cung ứng thức ăn và tiêu thụ sản phẩm…

- *Chính sách hỗ trợ lãi vay:* ban hành Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 quy định về hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025, đối tượng tham gia bao gồm pháp nhân và cá nhân, trong đó có HTX. Tuy nhiên, đến nay chưa có HTX tham gia.

3. Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX

UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với khu vực kinh tế tập thể; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể hàng năm. Các Sở, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các đơn vị kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, cơ quan hỗ trợ trực tiếp khu vực KTTT là Liên minh HTX tỉnh tổ chức ký kết Kế hoạch phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp huyện về công tác phối hợp nâng cao hiệu quả hoạt động các tổ chức kinh tế tập thể và phối hợp giải quyết những khó khăn vướng mắc phát sinh kịp thời và báo cáo, tham mưu UBND tỉnh.

4. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể và Liên minh HTX Việt Nam đối với phát triển KTTT, HTX

Nhằm tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách phát triển kinh tế tập thể của Đảng, Nhà nước, tỉnh đã kiện toàn Ban chỉ đạo đổi mới phát triển KTTT cấp tỉnh, theo đó đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban, đồng chí Phó Giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư làm Phó Ban Thường trực và đồng chí Chủ tịch Liên minh HTX và Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn làm Phó Ban, một số Sở, ngành có liên quan làm thành viên. Cấp huyện có Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể cấp huyện và giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi, báo cáo tình hình kinh tế tập thể về Sở Kế hoạch - Đầu tư và Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo quy định. Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổ chức tổng kết đánh giá tình hình thực hiện, tham mưu Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) trên địa bàn tỉnh; đồng thời huy động thêm các lực lượng xã hội, các tổ chức đoàn thể trong nước và quốc tế tham gia thúc đẩy phát triển KTTT.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX

1. Thành tựu, vị trí, vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội

Nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí vai trò và tầm quan trọng của KTTT, HTX ngày càng được nâng lên. Khu vực KTTT đã phát triển rõ rệt cả về chất lượng lẫn số lượng, đa dạng cả quy mô và lĩnh vực hoạt động. Những năm gần đây, các HTX thành lập mới và các HTX hiện có luôn chú trọng đổi mới mô hình và tổ chức sắp xếp các hoạt động đảm bảo nguyên tắc, giá trị HTX, ngày càng xuất hiện nhiều HTX điển hình, làm ăn có hiệu quả. Từ đó, KTTT, HTX đã có những đóng góp thiết thực trong hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế hộ thành viên, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn.

Nhiều hợp tác xã tổ chức tốt hoạt động hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên, cung ứng vật tư, giống, thực hiện việc phòng trừ sâu bệnh và chăm sóc cây trồng. HTX chủ động liên kết với các doanh nghiệp để giúp thành viên về nguồn giống, kỹ thuật cũng như cách chăm sóc, tăng vụ và bao tiêu sản phẩm; hoạt động của các THT, HTX còn tạo ra lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ không nhỏ để đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng. Các HTX đã tạo động lực thúc đẩy kinh tế hộ thành viên phát triển thông qua các dịch vụ hỗ trợ.

Phát triển kinh tế tập thể gắn với thực hiện tiêu chí "Tổ chức sản xuất". Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới đã góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, tạo công ăn việc làm, cải thiện, nâng cao đời sống cho lao động, nhất là lao động tại khu vực nông thôn; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới, nâng cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái trong các thành viên HTX, THT và người dân ở địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế

2.1 Khó khăn, tồn tại

KTTT, HTX phát triển còn chậm so với tiềm năng và lợi thế và nhu cầu của nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng thấp so với các khu vực kinh tế khác; tỷ lệ đóng góp GRDP thấp. Phần lớn HTX có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, năng lực tài chính và quản trị yếu (nhất là các HTX nông nghiệp thành lập trước năm 2012, khi chuyển sang hoạt động Luật HTX năm 2012), phát triển không đồng đều giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; khả năng huy động nguồn lực và áp dụng khoa học công nghệ còn hạn chế, HTX chưa làm tốt vai trò đầu kéo hỗ trợ thành viên, THT hoạt động chưa ổn định. Sự liên kết hình thành chuỗi giá trị giữa HTX, THT với các thành phần kinh tế khác còn hạn chế.

Số HTX tổ chức, hoạt động quy mô lớn chưa nhiều; sự liên kết, hợp tác giữa các HTX với nhau theo mô hình liên hiệp HTX chưa có trên địa bàn tỉnh. Hoạt động liên kết với doanh nghiệp chỉ mới hình thành.

Chưa xây dựng được nhiều mô hình HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị nổi bậT tạo sức lan toả giúp cho người dân tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế - xã hội do HTX mang lại.

2.2 Nguyên nhân khó khăn

Một số cấp uỷ, chính quyền và nhiều cán bộ, Đảng viên chưa nhận thức sâu sắc đầy đủ về đường lối, quan điểm phát triển KTTT của Đảng; chưa nhận thức đúng, đầy đủ và thống nhất về bản chất HTX, về vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế xã hội đất nước; còn mang nặng tư tưởng HTX kiểu cũ, hoài nghi về sự phát triển của HTX kiểu mới.

Luật HTX năm 2012 và Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho HTX nhưng thực tế số lượng HTX tiếp cận còn hạn chế như chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng, chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ chế biến sản phẩm, chính sách đất đai...

Công tác quản lý nhà nước về KTTT có lúc, có nơi bị buông lỏng; trong khi bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX vừa thiếu, vừa lúng túng trong tổ chức và cơ chế hoạt động; đa phần là cán bộ kiêm nhiệm, chưa có tổ chức bộ máy chuyên trách thống nhất để tập trung trí tuệ, sức lực nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết, pháp luật và chính sách KTTT. Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Luật của các HTX còn hạn chế, chưa kịp thời xử lý vi phạm pháp luật của HTX, các cá nhân, tổ chức liên quan.

Khó khăn nội tại của các HTX nông nghiệp chậm được khắc phục như quy mô hoạt động nhỏ; trình độ quản trị yếu; nguồn nhân lực không có, phần lớn cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ HTX tuổi cao; nguồn tài chính và sức cạnh tranh yếu, phần lớn các HTX nông nghiệp chưa có khả năng tích lũy để đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Một số có tâm lý ỷ lại, trong sự hỗ trợ của Nhà nước.

3. Bài học kinh nghiệm

Kinh tế tập thể được thành lập phải xuất phát từ nhu cầu của hộ nông dân. Hợp tác xã trước hết phải hướng vào giải quyết các nhu cầu của các

thành viên, sau đó có thể làm dịch vụ cho bên ngoài hợp tác xã để thu lợi nhuận, tăng thu nhập. Có như vậy mới bảo đảm tính bền vững của hợp tác xã.

Hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác có nhiều cấp độ khác nhau, việc lựa chọn mô hình nào là tùy thuộc trình độ sản xuất, điều kiện kinh tế, xã hội và tập quán của nhân dân. Nhìn chung chỉ phát triển được hợp tác xã ở những nơi có sản xuất nông nghiệp hàng hóa có nhu cầu hợp tác cao.

Về bộ máy quản lý và điều hành hoạt động của hợp tác xã: phải có hội đồng quản trị là những người có uy tín, có năng lực vạch ra kế hoạch hoạt động và quyết sách những vấn đề lớn theo quy định của Luật được thể hiện trong Điều lệ của hợp tác xã. Hội đồng quản trị có thể thuê Giám đốc hoặc Chủ nhiệm hợp tác xã là người giỏi kinh doanh để điều hành hoạt động thường nhật của hợp tác xã và chịu trách nhiệm về kết quả điều hành. Cần có cơ chế lựa chọn Chủ nhiệm là người có đủ năng lực.

Phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; nền kinh tế thị trường là yếu tố khách quan. Tuy nhiên do đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp nên việc thành lập cũng như quá trình phát triển hợp tác xã phải có sự hỗ trợ của Nhà nước.

Phải có đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước đồng bộ từ tỉnh đến huyện thực hiện hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra; có trách nhiệm hỗ trợ hợp tác xã về pháp lý, tôn trọng quyền độc lập, tự chủ trong mọi hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp, không can thiệp hành chính vào hợp tác xã khi hợp tác xã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Đại dịch COVID-19 đã và đang gây ảnh hưởng tiêu cực lớn đến nền kinh tế trong và ngoài nước, trong đó có KTTT và chưa có dấu hiệu chậm lại.

Sự cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường là thách thức đối với khu vực kinh tế tập thể trong khi những hạn chế của khu vực kinh tế tập thể chậm khắc phục, tỷ lệ hợp tác xã yếu kém khá nhiều; trình độ cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của HTX chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong quá trình hội nhập; nhiều tổ chức kinh tế hợp tác còn lúng túng trong hoạt động chưa hấp dẫn thu hút thành viên tham gia.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

Kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới là xu hướng lựa chọn phát triển, đặc biệt là đối với cư dân nông nghiệp, nông thôn; là phương thức để cư dân nông nghiệp, nông thôn thoát nghèo và vươn lên làm giàu. Việc đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tăng cường đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho kinh tế tập thể.

Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch

vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Phát triển kinh tế tập thể nòng cốt là hợp tác xã gắn các sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế theo hướng gia tăng lợi ích cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị sản phẩm, tăng thu nhập cho người sản xuất và người dân nhất là khu vực nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Hỗ trợ, phát triển khu vực KTTT, HTX cả chiều sâu và chiều rộng; khuyến khích, tạo điều kiện phát triển mô hình KTTT nhanh và bền vững; khuyến khích hợp tác xã ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao và sản phẩm từ nghề truyền thống qua mô hình hợp tác xã kiểu mới. Đồng thời tạo môi trường thuận lợi nhằm tác động trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh của kinh tế thành viên; tăng cường tính tự chủ, khai thác tối đa tiềm lực, lợi thế sẵn có của các thành phần kinh tế tập thể, nâng cao vai trò của kinh tế tập thể trong sự phát triển chung của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường năng lực cạnh tranh của kinh tế tập thể trong điều kiện kinh tế thị trường; góp phần ổn định kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2025

- Đến năm 2025 đóng góp của khu vực kinh tế hợp tác, HTX vào GRDP của tỉnh chiếm 0,3% GRDP của tỉnh.

- Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ phát triển mới 50 tổ hợp tác; 75 hợp tác xã; 01 liên hiệp hợp tác xã. Lũy kế số HTX đến năm 2025 là 190 HTX (115 hợp tác xã nông nghiệp, 75 HTX phi nông nghiệp), 135 THT và 01 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.

- Có 30% Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Doanh thu bình quân của HTX: 20.240 triệu đồng/HTX, lãi bình quân là 650 triệu đồng/HTX.

- Thu nhập bình quân của thành viên, người lao động HTX: 100 triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo HTX đạt trình độ cao đẳng, đại học: 50% trong tổng số cán bộ quản lý HTX.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021-2025

Khuyến khích phát triển KTTT trên các ngành nghề, lĩnh vực, phù hợp với đặc thù địa phương; các hình thức mở rộng quy mô thành viên; áp dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh; sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết với doanh nghiệp; bảo đảm lợi ích thành viên tham gia HTX.

Phát triển kinh tế nông nghiệp, trọng tâm là phát triển sản xuất sản phẩm hàng hóa chủ lực địa phương theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, tăng mạnh các hình thức hợp tác liên doanh, liên kết; đa dạng hóa trong phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, bền vững, tăng mạnh sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.

V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Nâng cao nhận thức của người dân và hệ thống chính trị ở địa phương về phát triển KTTT, HTX theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX, Kết luận số 70-KL/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI; tuyên truyền, tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách và pháp luật có liên quan hỗ trợ cán bộ quản trị và thành viên HTX. Cơ quan truyền thông địa phương đổi mới hình thức tuyên truyền có chiều sâu về phát triển KTTT, HTX; thường xuyên có chương trình, chuyên mục trên báo giấy, báo điện tử, phát thanh, truyền hình để thông tin, tuyên truyền kịp thời chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về KTTT, HTX, mô hình THT, HTX hoạt động có hiệu quả nhằm tạo sức lan toả và tính thống nhất nhận thức trong toàn bộ hệ thống quản lý Nhà nước, Nhân dân về bản chất hợp tác xã và vai trò hợp tác xã góp phần xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

2. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để tăng số lượng HTX, thành lập mới, tạo điều kiện cho HTX tiếp cận chính sách, huy động nguồn lực phát triển và hoạt động đúng pháp luật

Rà soát các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX của tỉnh ban hành trên cơ sở Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 như chính sách thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT, HTX; chính sách nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT; chính sách xây dựng hệ thống thông tin điện tử, tuyên truyền hỗ trợ KTTT; chính sách xúc tiến thương mại; chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm. Đồng thời, tạo điều kiện các HTX, THT tham gia chủ thể sản xuất sản phẩm địa phương theo Đề án thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm của tỉnh giai đoạn 2020-2025 được UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 6/7/2020 và các chính sách hỗ trợ khác của tỉnh.

3. Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với HTX, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX

Thực hiện tốt Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp trong hoạt động phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể; kịp thời kiện toàn, củng cố Ban chỉ đạo đổi mới phát triển KTTT cấp tỉnh, cấp huyện; bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về kinh tế tập thể ở các đơn

vị có liên quan ở cấp tỉnh và cấp huyện để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác xã; theo dõi giám sát thi hành Luật hợp tác xã và hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với khu vực kinh tế này.

4. Tăng cường hỗ trợ, tư vấn, giải quyết khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh

Phân loại HTX hoạt động có hiệu quả và yếu kém để có biện pháp hỗ trợ, tư vấn cho HTX huy động nguồn lực thực hiện phương án tái cơ cấu sản xuất, kinh doanh với chuỗi giá trị. Song song đó, quan tâm, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã có chiều hướng phát triển; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển mới hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực quy mô có sức lan tỏa; tổng kết và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới, điển hình tiên tiến; và xem phát triển KTTT, HTX là một trong những nhiệm vụ và chỉ tiêu phát triển KT- XH địa phương.

Nâng cao năng lực quản trị, tăng quy mô, năng suất, chất lượng hiệu quả hoạt động của HTX. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển HTX; chủ động nắm bắt nhu cầu, khó khăn vướng mắc của HTX kịp thời tháo gỡ, tạo điều kiện cho các HTX có khả năng huy động được nguồn lực từ thị trường để mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thúc đẩy các THT, HTX đầu tư sản xuất, kinh doanh liên kết chuỗi giá trị: Đánh giá tiềm năng và lợi thế của HTX để hỗ trợ nguồn lực và tư vấn sản xuất gắn với chuỗi giá trị; giảm chi phí, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Khuyến khích các HTX cùng ngành nghề sáp nhập, liên kết các HTX thành Liên hiệp HTX để tăng quy mô về vốn, gia tăng thị phần, tạo điều kiện phát triển kinh doanh và dịch vụ, mở rộng ngành nghề mới. Ưu tiên hỗ trợ THT, HTX gắn với chuỗi giá trị, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và có tác động đến thành viên và cộng đồng.

Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, từng bước khẳng định kinh tế tập thể, hợp tác xã là nhân tố quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

5. Về phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành với Liên minh HTX tỉnh, Hội Nông dân, đoàn thể liên quan thực hiện phát triển các hình thức tổ chức kinh tế.

6. Về tăng cường hợp tác quốc tế về KTTT

Hỗ trợ các HTX tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới, mở rộng thị trường, liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài tỉnh thông qua các kỳ hội chợ triển lãm và hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa.

7. Về xây dựng chương trình, dự án mang tính đột phá

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0, muốn phát triển hợp tác xã nói chung và lĩnh vực hợp tác xã nông nghiệp nói riêng trong việc ứng

dụng công nghệ cao tương ứng với tiềm năng, lợi thế, các cấp, các ngành của tỉnh cần có những giải pháp đột phá hơn nữa. Trước mắt tỉnh sẽ đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, sản xuất các sản phẩm chủ lực theo hướng liên doanh, liên kết. Để làm được điều này tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung hoàn thiện quy hoạch chi tiết các loại cây chủ lực, các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, từ đó xác định vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho từng loại cây trồng, vật nuôi.

8. Giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai thông qua mô hình KTTT, HTX, liên hiệp HTX

Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật để Hợp tác xã nâng cao nhận thức về pháp luật, phát triển KTTT, HTX, Liên hiệp HTX gắn liền bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, VP.

Thường - KT 15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số:.....144./KH-UBND ngày ..18..../01/2021)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2011-2015 *(Trung bình năm giai đoạn 2011-2015)*	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020 *(Trung bình năm trong giai đoạn)*	Thực hiện năm					Ước TH giai đoạn 2016-2020 *(Trung bình năm giai đoạn 2016-2020)*	Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2016-2020
					2016	2017	2018	2019	Ước TH 2020		
I	**Hợp tác xã (HTX)**										
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%									
2	Tổng số HTX	HTX	93	105	91	108	115	130	140	117	9,00
	Trong đó:		-							-	
	Số HTX đang hoạt động	HTX	89	95	89	102	110	117	126	109	7,20
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX	5	11	2	6	5	13	14	8	47,58
	Số HTX thành lập mới	HTX	7	7	8	23	16	18	12	15	8,45
	Số HTX giải thể	HTX	5	5	15	6	9	2	2	7	(33,17)
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	62	79	62	71	77	91	98	80	9,59
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX	-							-	
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	40.259	50.000	42.370	33.164	31.563	31.507	39.125	35.546	(1,58)
	Trong đó:	Thành viên	-							-	
	Số thành viên mới	Thành viên	3.513	4.000	1.630	1.268	4.000	2.500	6.870	3.254	33,34
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên	40.100		48.900	32.500	21.000	30.900	33.500	33.360	(7,29)
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	38.246	47.500	40.252	31.506	29.985	29.932	37.169	33.769	(1,58)
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên	2.013	2.500	2.119	1.658	1.578	1.575	1.956	1.777	(1,58)
4	Tổng số LĐ thường xuyên trong HTX	Người	2.864	3.500	4.862	5.720	6.914	7.644	7.650	6.558	9,49
	Trong đó:		-							-	
	Số lao động thường xuyên mới	Người	1.313	3.280	1.890	1.645	1.272	410	550	1.153	(21,88)
	Số lao động là thành viên HTX	Người	1.517	2.000	3.241	2.034	4.609	4.360	4.200	3.689	5,32

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2011-2015 *(Trung bình năm giai đoạn 2011-2015)*	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020 *(Trung bình năm trong giai đoạn)*	Thực hiện năm					Ước TH giai đoạn 2016-2020 *(Trung bình năm giai đoạn 2016-2020)*	Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2016-2020
					2016	2017	2018	2019	Ước TH 2020		
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng	6.417.000	6.500.000	6.950.000	7.150.000	7.350.040	7.400.200	7.500.000	7.270.048	1,53
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng	5.907.000	6.200.000	6.440.000	6.640.000	6.840.040	6.890.200	7.051.100	6.772.268	1,83
7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	11.402	14.420	14.000	14.500	15.000	15.470	16.000	14.994	2,71
	Trong đó:		-							-	
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm	-							-	
8	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm	332	355	400	430	450	480	505	453	4,77
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	35	60	52	54	54	60	75	59	7,60
10	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	466	550	522	547	586	585	615	571	3,33
	Trong đó:		-							-	
	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	104	260	180	230	280	280	315	257	11,84
	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	106	220	116	132	155	155	200	152	11,51
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người	228		280	280	290	300	315	293	2,38
II	**Liên hiệp hợp tác xã**		-							-	
III	**Tổ hợp tác (THT)**		-							-	
1	Tổng số THT	THT	3.863	2.230	105	108	110	110	112	109	1,30
	Trong đó:		-							-	
	Số THT thành lập mới	THT	97	500	30	5	7	5	10	11	(19,73)
	Số THT có đăng ký thành lập	THT	32	450	105	108	110	108	112	109	1,30
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên	90.349	60.464	2.000	2.000	2.200	2.000	2.250	2.090	2,38
3	Tổng số lao động trong THT	Người	90.349		2.000	2.000	2.200	2.000	2.250	2.090	2,38
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm	263	300	300	300	300	300	380	316	4,84

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2011-2015 *(Trung bình năm giai đoạn 2011-2015)*	Mục tiêu giai đoạn 2016-2020 *(Trung bình năm trong giai đoạn)*	Thực hiện năm					Ước TH giai đoạn 2016-2020 *(Trung bình năm giai đoạn 2016-2020)*	Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2016-2020
					2016	2017	2018	2019	Ước TH 2020		
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm	35	40	47	47	47	47	47	47	-

Phụ lục 2

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số:...../KH-UBND ngày ..18.../01/2021)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH giai đoạn 2011-2015	Mục tiêu GĐ 2016-2020	Thực hiện năm					Ước TH giai đoạn 2016-2020	Đánh giá TH so với mục tiêu 2016-2020 (%)
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
I	**Hợp tác xã (HTX)**										
	Tổng số HTX	HTX	93	105	91	108	115	130	140	117	125%
	Chia ra:									-	
1	HTX nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	51	57	54	58	71	83	90	71	140%
2	HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	11	11	5	15	6	6	6	8	67%
3	HTX xây dựng	HTX	0							-	
4	HTX tín dụng	HTX	18	18	18	18	18	18	18	18	100%
5	HTX thương mại	HTX	2	4	2	2	8	7	11	6	333%
6	HTX vận tải	HTX	10	12	10	13	10	11	13	11	110%
7	HTX môi trường	HTX	0							-	
8	HTX nhà ở	HTX	0							-	
9	HTX khác	HTX	1	3	2	2	2	2	2	2	200%
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**		0							-	
III	**Tổ hợp tác (THT)**		0							-	
	Tổng số THT	THT	4.434	2.230	105	108	110	108	112	109	2%
	Chia ra:		-							-	
1	THT nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT	1.181	1.050	87	89	90	90	100	91	8%
2	THT công nghiệp - TTCN	THT	86	60	18	19	18	18	12	17	20%
3	THT xây dựng	THT	-							-	
4	THT tín dụng	THT	3.125	1.080						-	0%
5	THT thương mại	THT	37	40						-	0%
6	THT vận tải	THT	-							-	
7	THT môi trường	THT	0							-	
8	THT nhà ở	THT	0							-	
9	THT khác	THT	2							-	0%

Phụ lục 3

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số:.....144.../KH-UBND ngày ..19.../01/2021)

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016 - 2019					Ước thực hiện năm 2020				
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
				NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP	
				NTM[3]	Khác	NTM	Khác		NTM	Khác	NTM	Khác
I	**Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX**											
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX											
1,1	Số người được cử đi đào tạo	Người	149		985			20				180
1,2	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	10.250		1.050		580	1.890				595
1,3	Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã	Người										
	Số HTX được hỗ trợ thí điểm	HTX	6	656				2			246	
2	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	HTX	60				550	15				110
3	Hỗ trợ về ứng dụng KHKT, công nghệ mới	HTX	3				500	2		400		
4	Hỗ trợ về tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX							10				5.000
4,1	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX	5		570			4		400		
4,2	Số HTX được vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	HTX	15				14.500	10				5.000
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế- xã hội											
6	Hỗ trợ thành lập mới	HTX	65		450			15				150
7	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	HTX	56		181							
II	**Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp**											
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng	HTX	3		1.540		660	2	12.700			

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016 - 2019					Ước thực hiện năm 2020				
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
				NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP	
				NTM[3]	Khác	NTM	Khác		NTM	Khác	NTM	Khác
2	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất											
2,1	Số HTX được giao đất	HTX	6									
	Diện tích đất được giao	m^2	24.000									
2,2	Số HTX được thuê đất	HTX	16									
	Diện tích đất được thuê	m^2	150.370									
2,3	Số HTX được miễn, giảm tiền thuê đất	HTX	-					-				
	Số tiền được miễn, giảm	Tr đồng	-					-				
3	Ưu đãi tín dụng	HTX										
3,1	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX										
3,2	Số HTX được hỗ trợ lãi suất vay	HTX										
4	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	HTX	1		295			-				
5	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm	HTX	-					-				
III	**Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương**											
	Xây dựng mô hình HTX	HTX	7	1.120				3	600			

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số:.....144./KH-UBND ngày .....12./01/2021)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			2021	2022	2023	2024	2025	
I	**Hợp tác xã (HTX)**							
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%						
2	Tổng số HTX	HTX	150	160	170	180	190	4,84
	Trong đó:							
	Số HTX đang hoạt động	HTX	140	150	160	170	180	5,15
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX	10	10	10	10	10	-
	Số HTX thành lập mới	HTX	15	15	15	15	15	-
	Số HTX giải thể	HTX	5	5	5	5	5	-
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	98	108	112	115	126	5,15
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX						
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	39.500	40.000	40.500	41.000	41.500	0,99
	Trong đó:							
	Số thành viên mới	Thành viên	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	-
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên						
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	37.525	38.000	38.475	38.950	39.425	0,99
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên	1.975	2.000	2.025	2.050	2.075	0,99
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	7.800	8.000	8.300	8.500	9.000	2,90
	Trong đó:							
	Số lao động thường xuyên mới	Người	936	960	996	1.020	1.080	2,90
	Số lao động là thành viên HTX	Người	7.800	8.000	8.300	8.500	9.000	2,90
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng	8.000.000	8.500.000	9.000.000	9.500.000	10.000.000	4,56
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng	7.600.000	8.000.000	8.400.000	8.800.000	9.200.000	3,90
7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	17.000	17.850	18.740	19.540	20.240	3,55
	Trong đó:							
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm						
8	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm	520	540	550	600	650	4,56
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	80	85	90	95	100	4,56
10	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	660	670	680	690	700	1,18
	Trong đó:							

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			2021	2022	2023	2024	2025	
	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	330	335	340	345	350	1,18
	Số cán bộ quản lý HTX qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	330	335	340	345	350	1,18
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người	330	335	340	345	349	1,13
II	**Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX)**						1	
III	**Tổ hợp tác (THT)**							
1	Tổng số THT	THT	115	120	125	130	135	3,26
	Trong đó:							
	Số THT thành lập mới	THT	10	10	10	10	10	-
	Số THT có đăng ký thành lập	THT	115	120	125	130	135	3,26
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên	2260	2280	2300	2320	2340	0,70
3	Tổng số lao động trong THT	Người	2260	2280	2300	2320	2340	0,70
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm	500	550	600	650	650	5,39
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm	100	100	100	100	100	-

Phụ lục 5

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: ..... 144 ./KH-UBND ngày ... 18 .../01/2021)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	**HỢP TÁC XÃ (HTX)**							
	Tổng số HTX	HTX	150	160	170	180	190	4,84
	Chia ra:							
1	HTX nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	95	100	105	110	115	3,90
2	HTX công nghiệp - TTCN	HTX	8	8	10	12	12	8,45
3	HTX xây dựng	HTX						
4	HTX tín dụng	HTX	18	18	18	18	18	0,00
5	HTX thương mại	HTX	13	15	16	18	20	9,00
6	HTX vận tải	HTX	13	13	15	13	13	0,00
7	HTX môi trường	HTX		1	1	2	4	
8	HTX nhà ở	HTX						
9	HTX khác	HTX	3	5	5	7	8	21,67
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**						1	
III	**TỔ HỢP TÁC (THT)**							
	Tổng số THT	THT	115	120	125	130	135	3,26
	Chia ra:							
1	THT nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT	95	100	105	110	115	3,90
2	THT công nghiệp -TTCN	THT	20	20	20	20	20	0,00

Phụ lục 6

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: ..... 144../KH-UBND ngày ...18.../01/2021)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện KH 2016-2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
I	**Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX**								
1	*Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX*								
1,1	Số người được cử đi đào tạo	Người	164	15	15	15	15	15	75
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	1.179	200	200	200	200	200	1.000
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng	1.179						
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng		200	200	200	200	200	1.000
1,2	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	12.350	1.890	1.890	1.890	1.890	1.890	9.450
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	2.232	600	600	600	600	600	3.000
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng	2.232						-
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng		600	600	600	600	600	3.000
1,3	Số HTX được hỗ trợ thí điểm	HTX	11	5	5	5	5	5	25
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	903	200	200	200	200	200	1.000
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng	903						-
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng		200	200	200	200	200	1.000
2	*Hỗ trợ về XTTM, mở rộng thị trường*	HTX	75	15	10	10	10	10	55
	Tổng kinh phí hỗ trợ		650	100	100	100	100	100	500
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng							-
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng	650	100	100	100	100	100	500
3	*Hỗ trợ về ứng dụng KHKT, công nghệ mới*	HTX	2	5	5	5	5	5	25
	Tổng kinh phí hỗ trợ		500	200	200	200	200	200	1.000

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện KH 2016-2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng	500	100	100	100	100	100	500
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng		100	100	100	100	100	500
4	*Hỗ trợ về vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX*	HTX							
4,1	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX		10	10	10	10	10	50
	Tổng số vốn được vay	Tr đồng		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	50.000
4,2	Số HTX được vay từ Quỹ HT phát triển HTX	HTX	25	10	10	10	10	10	50
	Tổng số vốn được vay	Tr đồng	19.500	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	40.000
5	*Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển KTXH*			.					-
	Số HTX tham gia	HTX							-
6	*Hỗ trợ thành lập mới*	HTX	80	15	15	15	15	15	75
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	560	180	180	180	180	180	900
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng							-
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng	450	180	180	180	180	180	900
II	**Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX NN**								-
1	*Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng*	HTX	2	2	2	2	2	2	10
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	12.700	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	15.000
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng	12.700	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	15.000
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng							-
2	*Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất*								-
2,1	Số HTX được giao đất	HTX	1	1	1	1	1	1	5
	Diện tích đất được giao	m^2	30.700	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	50.000
2,2	Số HTX được thuê đất	HTX		3					3
	Diện tích đất được thuê	m^2		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	100.000
2,3	Số HTX được miễn, giảm tiền thuê đất	HTX							-
	Số tiền được miễn, giảm	Tr đồng							-
3	*Ưu đãi tín dụng*								-
	Số HTX được vay lãi suất ưu đãi	HTX		3	5	5	5	5	23

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện KH 2016-2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
	Tổng số vốn được vay ưu đãi	Tr đồng		500	1.000	1.000	1.000	1.000	4.500
4	*Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh*								
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	1	3	3	3	3	3	15
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	294,71	300	300	300	300	300	1.500
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng							-
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng		300	300	300	300	300	1.500
5	*Hỗ trợ về chế biến sản phẩm*								-
	Số HTX được hỗ trợ	HTX		1	1	1	1	1	5
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng		500	500	500	500	500	2.500
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng		500	500	500	500	500	2.500
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng							-
III	**Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương**								-
	Xây dựng mô hình HTX	HTX	10	3	3	3	3	3	15
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	1.700	600	600	600	600	600	3.000
	Trong đó								-
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng	1.700	600	600	600	600	600	3.000
	Ngân sách Địa phương	Tr đồng							-

Phụ lục 7

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với khu vực KTTT, HTX của Tỉnh giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số:.....144../KH-UBND ngày .....12../01/2021)

TT	Cơ quan ban hành	Số/ ký hiệu văn bản	Trích yếu	Ngày ban hành
1	Tỉnh uỷ	36-CTr/TU	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	28/08/2013
2	Hội đồng nhân dân tỉnh	26 /2017/NQ-HĐND	Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021	27/09/2017
3		43/2017/NQ-NĐND	Nghị quyết ngày về chính sách hỗ trợ đào tạo của hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020	08/12/2017
4		01/2019/NQ-HĐND	Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025	12/04/2019
5		02/2019/NQ-HĐND	Nghị quyết về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025	12/04/2019
6		03/2019/NQ-HĐND	Nghị quyết về phê duyệt kinh phí thực hiện Kế hoạch thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 – 2020	12/04/2019
7	UBND tỉnh	204/KH-UB	Kế hoạch về phát triển kinh tế tập thể 15 năm 2003-2018	13/06/2005
8		1796/QĐ-UBND	Quyết định về việc triển khai đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh "đánh giá thực trạng, nghiên cứu định hướng và xây dựng giải pháp phát triển các loại hình hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2010 – 2015"	30/09/2010
9		2200/QĐ-UBND	Quyết định về phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012 - 2015	05/11/2012
10		16/2013/QĐ-UBND	Quyết định về việc Quy định chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh	16/04/2013

TT	Cơ quan ban hành	Số/ ký hiệu văn bản	Trích yếu	Ngày ban hành
11		316/QĐ-UBND	Quyết định thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	27/01/2014
12		399/QĐ-UBND	Quyết định phê duyệt kế hoạch đổi mới phát triển các hình thực tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020	23/02/2016
13		187/KH-UBND	Kế hoạch về hỗ trợ phát triển hợp tác xã năm 2017 và giai đoạn 2017-2020	20/01/2017
14		700/QĐ-UBND	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Tây Ninh	22/03/2019
15		14/2012/QĐ-UBND	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý "Bà Đen" cho sản phẩm quả mãng cầu	22/02/2012
16		41/2013/QĐ-UBND	Quyết định về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 6 Quy định hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2012-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 59/2012/QĐ-UBND, ngày 11/12/2012 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	05/09/2013
17		07/2017/QĐ-UBND	Quyết định ban hành quy định về chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020	06/03/2017
18		19/2017/QĐ-UBND	Quyết định ban hành quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020	16/06/2017
19		45/2017/QĐ-UBND	Quyết định về hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh 2017-2021	15/12/2017
20		53/2017/QĐ-UBND	Quyết định về ban hành Quy định "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020"	21/12/2017
21		1033/QĐ-UBND	Quyết định về việc bổ sung Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác kĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/2/2016 của UBND tỉnh	08/05/2019
22		21/2019/QĐ-UBND	Quyết định về chính sách hỗ trợ lãi vay cho các HTX ứng dụng công nghệ cao	17/06/2019
23		23/2019/QĐ-UBND	Quyết định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninhgiai đoạn 2019-2025	28/06/2019